

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 07-2020

*“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chương

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17a/2020/QĐST - HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Thị Ch - sinh năm: 1989

Hộ khẩu th- ởng trú: Thôn Ry, xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/6/2020).

Bị đơn: Trương Công D -Sinh năm: 1988

Hộ khẩu thường trú: Thôn Ry, xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 19/5/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/05/2020 chị Bùi Thị Ch trình bày: Chị và anh Trương Công D đến với nhau tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác từ năm 2014, vợ chồng chị đã ly thân nhau từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, hiện tại anh D đang chung sống với người phụ nữ khác. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Công D.

- Về con cái: Trong thời gian chung sống chị và anh D có 02 con chung là Trương Khánh Huyền, sinh ngày 11/12/2007, hiện đang ở với anh D và cháu Trương Thu Hường, sinh ngày 29/7/2014, hiện đang ở với chị. Nguyên vọng của chị là giao cháu Khánh Huyền cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thu Hường. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/05/2020 anh Trương Công D trình bày: Anh với chị Bùi Thị Ch tự do tìm hiểu tự nguyện và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, nhưng do chưa đủ tuổi nên không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, trong cuộc sống luôn xảy ra bất đồng, cãi vã, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không thể thông cảm và chia sẻ được với nhau, chị Ch đã về nhà mẹ đẻ từ năm 2014 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Bùi Thị Ch được ly hôn nhau.

- Về con cái: Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng có 02 con chung là Trương Khánh Huyền, sinh ngày 11/12/2007 và cháu Trương Thu Hường, sinh ngày 29/7/2014. Từ khi vợ chồng ly thân nhau cháu Khánh Huyền ở với anh, còn cháu Thu Hường ở với chị Ch. Nguyên vọng của anh là anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khánh Huyền còn chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thu Hường. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh D không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh D. Do công việc, chị Ch và anh D không thể có mặt để tham gia phiên tòa được nên chị Ch và anh D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt chị Ch và anh D.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 14, 15, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Ch và anh Trương Công D. Về con cái giao cháu Khánh Huyền cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thu Hường cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Đề nghị miễn nộp tiền án phí cho chị Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ch và anh Trương Công D đến với nhau tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống với nhau và đã có 02 con chung với nhau, đến năm 2014

thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Ch và anh D không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng nhau về quan điểm, lối sống và trong những sinh hoạt hàng ngày. Hai bên có sự nghi ngờ tình cảm, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Hiện tại chị Ch và anh D đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay cả chị Ch và anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Ch và anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Ch và anh D được ly hôn nhau. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1, khoản 7 điều 28 BLTTDS. Xét thấy, chị Ch và anh D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, cần căn cứ điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại điểm c khoản 3 nghị quyết số 35/2000/ NQ - QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Ch và anh D là vợ chồng.

[2] Về con cái: Quá trình chung sống, chị Ch và anh D có 02 con chung là Trương Khánh Huyền, sinh ngày 11/12/2007 và cháu Trương Thu Hường, sinh ngày 29/7/2014. Từ khi vợ chồng ly thân nhau cháu Khánh Huyền ở với anh D, cháu có nguyện vọng được ở với anh D, còn cháu Thu Hường đang còn nhỏ ở với chị Ch. Anh D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Huyền, chị Ch có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Thu Hường, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy cần giao cháu Khánh Huyền cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thu Hường cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của cháu Khánh Huyền và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị Ch và anh D không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Ch là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Chị Chinh đã có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Vì vậy cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Bùi Thị Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 điều 14, 15, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, khoản 7 điều 28, khoản 2 điều 206, khoản 1 điều 227, điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 3 nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Ch và anh Trương Công D.

2/ Về con cái: Giao cháu Trương Khánh Huyền, sinh ngày 11/12/2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Giao cháu Trương Thu Hường, sinh ngày 29/7/2014 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị Ch và anh D có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Bùi Thị Ch.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị Ch và anh Trương Công D. Chị Bùi Thị Ch và anh Trương Công D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Nội
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Chương

Nguyễn Thị Huyền

Phạm Văn Hùng

